



**PHÂN TÍCH NỘI DUNG ĐÁNG CHÚ Ý
THÔNG TƯ 02/2022/TT-BTNMT QUY ĐỊNH CHI TIẾT
LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**



Luatvietnam.vn



1900 6192



Luật Việt Nam



PHÂN TÍCH NỘI DUNG ĐÁNG CHÚ Ý THÔNG TƯ 02/2022/TT-BTNMT QUY ĐỊNH CHI TIẾT LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Ngày 10/01/2022, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, có hiệu lực cùng ngày. Thông tư này hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường với một số nội dung chính nổi bật mà các doanh nghiệp cần chú ý như sau:

1. Hướng dẫn về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

Để có biện pháp xử lý phù hợp đối với các chất thải phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của mình, Quý Doanh nghiệp cần tra cứu Danh mục chất thải (Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này) để biết được chất thải mà doanh nghiệp phát sinh thuộc loại chất thải nào (chất thải rắn sinh hoạt hay chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát hay chất thải rắn công nghiệp thông thường), từ đó áp dụng các quy định tương ứng dưới đây.

Lưu ý: Danh mục chất thải theo quy định của Thông tư này đã có nhiều sự thay đổi so với Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT nên doanh nghiệp cần tra cứu theo Danh mục này để áp dụng các biện pháp xử lý chất thải phù hợp.

Ví dụ: Danh mục này đã bổ sung thêm nhiều loại chất thải mới: Chất thải từ ngành chế biến các sản phẩm sữa (1406); Chất thải chứa mô động vật, thực vật (14 01 10); Chất thải từ hoạt động chế biến nông sản rau quả, dầu ăn, ngũ cốc, chè, cà phê, thuốc lá; sản phẩm bảo quản; sản phẩm lên men (1404) ... Điều này có nghĩa là từ ngày Thông tư này có hiệu lực, các loại chất thải này sẽ được đưa vào diện quản lý theo Thông tư này.

1.1 Đối với chất thải rắn sinh hoạt

Danh sách các cơ sở này được thống kê tại Phụ lục II Quyết định số 01/2022/QĐ-TTg. Vui lòng tra cứu chi tiết tại Phụ lục này.

Điểm tập kết của chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng các yêu cầu:

- Phải lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt trong thiết bị chuyên dụng hoặc bố trí điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt có thiết bị lưu chứa chất thải có dung tích phù hợp với thời gian lưu giữ, bảo đảm không rò rỉ nước ra môi trường; thực hiện vệ sinh, phun khử mùi sau khi kết thúc hoạt động...;

- Điểm tập kết hoạt động trong thời gian từ 18 giờ đến 06 giờ sáng hôm sau phải có đèn chiếu sáng.

Về hình thức thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, UBND cấp tỉnh quyết định hình thức thu theo một trong các trường hợp:

- Thông qua giá bán bao bì đựng chất thải rắn sinh hoạt
- Thông qua thẻ tích thiết bị chứa đựng chất thải rắn sinh hoạt
- Thông qua việc cân xác định khối lượng chất thải rắn sinh hoạt (đối với các cơ quan, tổ chức) hoặc các hình thức khác do UBND quyết định

- Thông qua giá bán bao bì đựng chất thải rắn sinh hoạt
- Hình thức khác do UBND quyết định

Căn cứ pháp lý: Điều 26, Điều 30.

1.2 Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường

Về việc lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường: Chất thải rắn công nghiệp phải được lưu giữ trực tiếp tại kho (trong nhà hoặc ngoài trời và đáp ứng đầy đủ các điều kiện tại khoản 3, 4 Điều 33) hoặc trong các thiết bị, dụng cụ đảm bảo an toàn, không vỡ vỡ; bao bì mềm được buộc kín, bao bì cứng được đậy nắp kính; hoặc trong khu vực lưu giữ chất thải...

Về phương tiện vận chuyển chất rắn công nghiệp thông thường: Phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường đang hoạt động phải có dòng chữ "VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI" ở hai bên thành của phương tiện với chiều cao ít nhất là 15 cm, kèm theo tên cơ sở, địa chỉ, số điện thoại liên hệ.

Căn cứ pháp lý: Điều 33, Điều 34.

1.3 Đối với chất thải nguy hại

Về việc khai báo chất thải nguy hại: Chủ nguồn chất thải nguy hại phải thực hiện khai báo khối lượng, loại chất thải nguy hại phát sinh (nếu có) trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường hoặc nội dung đăng ký môi trường.

Về việc phân loại chất thải nguy hại: Chất thải nguy hại phải được phân loại bắt đầu từ thời điểm khi đưa vào khu vực lưu giữ tại cơ sở phát sinh chất thải nguy hại hoặc khi chuyển giao chất thải nguy hại cho cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại.

Lưu ý: Sau khi chuyển giao chất thải nguy hại cho cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại, doanh nghiệp chủ động phối hợp với chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại để lập chứng từ chất thải nguy hại theo mẫu quy định tại khoản 7 Điều 35 Thông tư này.

Sau thời hạn 06 tháng, kể từ ngày chuyển giao chất thải nguy hại, nếu không nhận được hai liên cuối cùng của chứng từ chất thải nguy hại mà không có lý do hợp lý bằng văn bản từ tổ chức, cá nhân tiếp nhận chất thải nguy hại thì chủ nguồn chất thải nguy hại phải báo cáo cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh hoặc Bộ Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

Trường hợp chất thải nguy hại được tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng tại cơ sở theo nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, chủ nguồn chất thải nguy hại được lựa chọn phân loại hoặc không phân loại chất thải nguy hại.

Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại (không bắt buộc phải xây dựng dưới dạng kho) phải đáp ứng các yêu cầu: Mặt sàn trong khu vực lưu giữ chất thải nguy hại bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa...

Căn cứ pháp lý: Điều 35.

2. Hướng dẫn gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

Thông tư này hướng dẫn cụ thể về yêu cầu chủ dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ cần **nộp báo cáo công tác bảo vệ môi trường**. Cụ thể như sau:

	CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH, DỊCH VỤ PHẢI CÓ GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH, DỊCH VỤ PHẢI ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG	CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VÀ KINH DOANH HẠ TẦNG KHU SẢN XUẤT, KINH DOANH, DỊCH VỤ TẬP TRUNG HOẶC CỤM CÔNG NGHIỆP
MẪU BÁO CÁO	Mẫu 05a Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này	Mẫu 05b Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này <i>* Lưu ý: Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng được miễn đăng ký môi trường thì không phải làm báo cáo công tác bảo vệ môi trường.</i>	Mẫu 06 Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này
THỜI GIAN GỬI BÁO CÁO	<ul style="list-style-type: none"> - Gửi báo cáo định kỳ hằng năm - Trước ngày 05/01 của năm tiếp theo 		<ul style="list-style-type: none"> - Gửi báo cáo định kỳ hằng năm - Trước ngày 10/01 của năm tiếp theo
HÌNH THỨC BÁO CÁO	<p>Một trong các hình thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo bằng văn bản giấy, có chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu của đơn vị và bản điện tử (file.doc). Các biểu mẫu tổng hợp số liệu kèm theo báo cáo phải được đóng dấu giáp lai. - Báo cáo bằng văn bản điện tử hoặc được số hóa từ văn bản giấy, có chữ ký điện tử của người có thẩm quyền và đóng dấu điện tử của đơn vị. 		
PHƯƠNG THỨC GỬI BÁO CÁO	<ul style="list-style-type: none"> - Nếu là bản giấy: <ul style="list-style-type: none"> + Gửi trực tiếp + Gửi qua bưu điện + Gửi qua fax - Nếu là bản điện tử: <ul style="list-style-type: none"> + Gửi qua hệ thống thông tin môi trường các cấp hoặc hệ thống thông tin khác của địa phương + Gửi qua email 		
NƠI NHẬN BÁO CÁO	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan cấp giấy phép môi trường - Sở Tài nguyên và Môi 	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan tiếp nhận đăng ký môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường 	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh, - Cơ quan cấp giấy phép môi

NƠI NHẬN BÁO CÁO	trường - Ủy ban nhân dân cấp huyện - Chủ đầu tư (nếu như cơ sở nằm trong khu kinh tế, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung hoặc cụm công nghiệp)	- Ủy ban nhân dân cấp huyện - Chủ đầu tư (nếu như cơ sở nằm trong khu kinh tế, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung hoặc cụm công nghiệp)	trường - Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế <i>Đối với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, gửi báo cáo đến:</i> - Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh, - Cơ quan cấp giấy phép môi trường - UBND cấp huyện
-------------------------	---	---	---

***Lưu ý:**

- Chủ dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp cần lưu ý:
 - + Lưu giữ các tài liệu liên quan đến báo cáo để cơ quan có thẩm quyền đối chiếu khi thanh tra, kiểm tra
 - + Ngoài báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ, có thể sẽ phải báo cáo đột xuất theo yêu cầu của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- Các doanh nghiệp thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục chất lượng môi trường có trách nhiệm lập báo cáo về việc đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về quan trắc môi trường trước khi công bố thông tin cho cộng đồng theo mẫu quy định tại Mẫu số 07 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này và gửi đến cơ quan quản lý nhà nước quy định tại khoản 6 Điều 96 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Căn cứ pháp lý: Điều 66.

3. Hướng dẫn về lên kế hoạch phục hồi môi trường sau sự cố môi trường

Thông tư 02/2022/TT-BTNMT cũng hướng dẫn chủ dự án đầu tư, cơ sở gây sự cố môi trường lên kế hoạch phục hồi môi trường theo yêu cầu được quy định tại Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường. Cụ thể:

- Phải lập kế hoạch phục hồi môi trường ngay sau khi kết thúc giai đoạn tổ chức ứng phó sự cố.
- Gửi kế hoạch đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra sự cố trước khi tổ chức thực hiện ít nhất 03 ngày để kiểm tra, giám sát.

Lưu ý: Chủ dự án đầu tư, cơ sở gây ra sự cố môi trường chỉ lên kế hoạch phục hồi đối với các sự cố quy mô cấp xã.

Đối với sự cố môi trường cấp huyện, tỉnh và cấp quốc gia: Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường sẽ tổ chức khảo sát, đánh giá hiện trạng môi trường, xây dựng, phê duyệt và chỉ đạo tổ chức thực hiện kế hoạch phục hồi môi trường.

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện kế hoạch phục hồi môi trường có trách nhiệm lập báo cáo kết quả hoàn thành kế hoạch phục hồi môi trường gửi cơ quan phê duyệt kế hoạch sau khi đã hoàn thành toàn bộ các nội dung, yêu cầu của kế hoạch. Báo cáo này là cơ sở để cơ quan phê duyệt kế hoạch xem xét, tổ chức nghiệm thu hoàn thành kế hoạch phục hồi môi trường.

Căn cứ pháp lý: Điều 72.

4. Ban hành loạt Biểu mẫu mới trong hoạt động bảo vệ môi trường



Ban hành kèm theo Thông tư này là Phụ lục gồm một loạt các biểu mẫu áp dụng trong các thủ tục hành chính mà doanh nghiệp cần lưu ý (các thủ tục có đánh dấu (x) là các biểu mẫu dành cho các doanh nghiệp).

- Nhóm các biểu mẫu về bảo vệ các thành phần môi trường, di sản thiên nhiên



SỐ BIỂU MẪU	SỐ BIỂU MẪU	DÙNG CHO DOANH NGHIỆP	VĂN BẢN BỊ THAY THẾ (NẾU CÓ) - VỚI CÁC BIỂU MẪU DÙNG CHO DOANH NGHIỆP
Mẫu số 01	Tiêu chí xác định mức độ ô nhiễm của khu vực ô nhiễm môi trường đất và tính điểm đánh giá các tiêu chí của khu vực ô nhiễm môi trường đất		
Mẫu số 02	Nội dung báo cáo điều tra, đánh giá sơ bộ chất lượng môi trường đất		
Mẫu số 03	Nội dung báo cáo điều tra, đánh giá chi tiết khu vực môi trường đất ô nhiễm		
Mẫu số 04	Danh mục khu vực bị ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng do lịch sử để lại hoặc không xác định được đối tượng gây ô nhiễm		
Mẫu số 05	Cấu trúc và nội dung phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đất		
Mẫu số 06	Văn bản đề nghị thẩm định dự án xác lập di sản thiên nhiên khác theo điểm c khoản 1 Điều 20 Luật Bảo vệ môi trường		
Mẫu số 07	Báo cáo xác lập di sản thiên nhiên khác theo điểm c khoản 1 Điều 20 Luật Bảo vệ môi trường		
Mẫu số 08	Báo cáo kết quả điều tra, đánh giá di sản thiên nhiên		

Mẫu số 09	Nội dung quy chế quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên		
Mẫu số 10	Nội dung quy chế quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên		

- Nhóm các biểu mẫu về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường và đăng ký môi trường

SỐ BIỂU MẪU	SỐ BIỂU MẪU	DÙNG CHO DOANH NGHIỆP	VĂN BẢN BỊ THAY THẾ (NẾU CÓ) - VỚI CÁC BIỂU MẪU DÙNG CHO DOANH NGHIỆP
Mẫu số 01	Nội dung đánh giá môi trường chiến lược của chiến lược, quy hoạch 01a. Nội dung đánh giá môi trường chiến lược của chiến lược 01b. Nội dung báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch		
Mẫu số 02	Văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường		Thay thế Mẫu số 05, Phụ lục VI, Mục I Nghị định số 40/2019/NĐ-CP
Mẫu số 03	Quyết định thành lập hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường		
Mẫu số 04	4. Nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường		Thay thế Mẫu số 03, Phụ lục VI, Mục I Nghị định số 40/2019/NĐ-CP
	4a. Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp		
	4b. Văn bản của cơ quan thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường lấy ý kiến cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi		
	4c. Văn bản trả lời của cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường		
Mẫu số 05	Biên bản khảo sát thực tế khu vực thực hiện dự án		

Mẫu số 06	Bản nhận xét báo cáo đánh giá tác động môi trường		
Mẫu số 07	Phiếu thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường		
Mẫu số 08	Biên bản phiên họp của hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường		
Mẫu số 09	Thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường		
Mẫu số 10	Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án		
Mẫu số 11	Nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản		
Mẫu số 12	Văn bản đề nghị thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản		
Mẫu số 13	Quyết định thành lập hội đồng thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản		
Mẫu số 14	Biên bản phiên họp của hội đồng thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản		
Mẫu số 15	Biên bản nhận xét phương án cải tạo, phục hồi môi trường		
Mẫu số 16	Phiếu thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường		
Mẫu số 17	Thông báo kết quả thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản		
Mẫu số 18	Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án, cơ sở		
Mẫu số 19	Giấy xác nhận đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường		

Mẫu số 20	Hướng dẫn nội dung cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản		
Mẫu số 21	Phương pháp tính và dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản		
Mẫu số 22	Quyết định thành lập hội đồng thẩm định cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư		
Mẫu số 23	Quyết định thành lập tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư		
Mẫu số 24	Quyết định thành lập đoàn kiểm tra cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở		
Mẫu số 25	Quyết định thành lập tổ kiểm tra trong trường hợp cấp/cấp lại giấy phép môi trường cho cơ sở đang hoạt động thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp huyện		
Mẫu số 26	Văn bản thông báo kế hoạch khảo sát thực tế trong trường hợp cấp giấy phép môi trường trường cho dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường		
Mẫu số 27	Biên bản khảo sát thực tế khu vực thực hiện dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường		
Mẫu số 28	Biên bản họp hội đồng thẩm định cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư		
Mẫu số 29	Biên bản kiểm tra cấp/cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở		
Mẫu số 30	Bản nhận xét của thành viên hội đồng thẩm định/tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư		
Mẫu số 30	Phiếu thẩm định của thành viên hội đồng thẩm định/tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư		

Mẫu số 31	Phiếu thẩm định của thành viên hội đồng thẩm định/tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư		
Mẫu số 32	Bản nhận xét của thành viên đoàn kiểm tra, tổ kiểm tra cấp/cấp lại giấy phép môi của dự án đầu tư, cơ sở		
Mẫu số 33	Văn bản thông báo hoàn thiện hoặc trả hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư		
Mẫu số 34	Báo cáo kết quả kiểm tra của đoàn kiểm tra cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của dự án đầu tư		
Mẫu số 35	Văn bản thông báo của cơ quan cấp giấy phép môi trường về việc điều chỉnh loại, khối lượng chất thải nguy hại được phép xử lý hoặc khối lượng phế liệu được phép nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất		
Mẫu số 36	Văn bản tham vấn ý kiến của cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi trong quá trình cấp/cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở		
Mẫu số 37	Văn bản tham vấn ý kiến cơ quan, tổ chức, chuyên gia trong quá trình cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường		
Mẫu số 38	Văn bản trả lời của cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi		
Mẫu số 39	Văn bản trả lời của cơ quan, tổ chức, chuyên gia được tham vấn trong quá trình cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường		
Mẫu số 39	Văn bản trả lời của cơ quan, tổ chức, chuyên gia được tham vấn trong quá trình cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường		
Mẫu số 40	Giấy phép môi trường		
Mẫu số 41	Giấy phép môi trường điều chỉnh		
Mẫu số 42	Quyết định thu hồi giấy phép môi trường		

Mẫu số 43	Văn bản thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư		Thay thế mẫu số 09, Phụ lục VI, Mục I Nghị định số 40/2019/NĐ-CP
Mẫu số 44	Quyết định cử cán bộ, công chức kiểm tra thực tế công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư, cơ sở trong quá trình vận hành thử nghiệm đối với các trường hợp không thuộc quy định tại khoản 4 Điều 46 Luật bảo vệ môi trường		
Mẫu số 45	Biên bản kiểm tra, giám sát vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cán bộ, công chức		
Mẫu số 46	Biên bản kiểm tra việc vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đối với dự án đầu tư, cơ sở sử dụng phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, dịch vụ xử lý chất thải nguy hại		
Mẫu số 47	Văn bản đăng ký môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở		

- Nhóm các biểu mẫu về quản lý chất thải và kiểm soát các chất ô nhiễm khác



SỐ BIỂU MẪU	SỐ BIỂU MẪU	DÙNG CHO DOANH NGHIỆP	VĂN BẢN BỊ THAY THẾ (NẾU CÓ) – VỚI CÁC BIỂU MẪU DÙNG CHO DOANH NGHIỆP
Mẫu số 01	Danh mục chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát và chất thải rắn công nghiệp thông thường		
Mẫu số 02	Phương pháp tính và dự toán chi phí cải tạo môi trường bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt		
Mẫu số 03	Biên bản bàn giao chất thải rắn công nghiệp thông thường		
Mẫu số 04	Chứng từ chất thải nguy hại		
Mẫu số 05	Đơn đăng ký vận chuyển xuyên biên giới chất thải nguy hại		

Mẫu số 06	Văn bản chấp thuận vận chuyển xuyên biên giới chất thải nguy hại		
Mẫu số 07	Quyết định thành lập đoàn đánh giá năng lực của tổ chức đánh giá sự phù hợp quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất		
Mẫu số 08	Bản nhận xét, đánh giá năng lực của tổ chức đánh giá sự phù hợp quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất		
Mẫu số 09	Biên bản đánh giá năng lực của tổ chức đánh giá sự phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về môi trường đối với phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất		
Mẫu số 10	Quyết định thành lập đoàn kiểm tra đánh giá hồ sơ đăng ký miễn trừ các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (POP)		
Mẫu số 11	Biên bản kiểm tra, đánh giá hồ sơ đăng ký miễn trừ các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (POP)		
Mẫu số 12	Quyết định thành lập đoàn kiểm tra, đánh giá sự phù hợp đối với chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy		
Mẫu số 13	Biên bản kiểm tra, đánh giá sự phù hợp đối với chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy		
Mẫu số 14	Văn bản thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá sự phù hợp đối với chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy		
Mẫu số 15	Thông báo nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm hoàn chỉnh không có bao bì thương phẩm		

- Nhóm các biểu mẫu về quan trắc môi trường

SỐ BIỂU MẪU	SỐ BIỂU MẪU	DÙNG CHO DOANH NGHIỆP	VĂN BẢN BỊ THAY THẾ (NẾU CÓ) - VỚI CÁC BIỂU MẪU DÙNG CHO DOANH NGHIỆP
Mẫu số 01	Quyết định thành lập hội đồng thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường		
Mẫu số 02	Phiếu đánh giá, kiểm tra của thành viên hội đồng thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường		
Mẫu số 03	Biên bản đánh giá, kiểm tra tại tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường		
Mẫu số 04	Bản nhận xét của thành viên hội đồng thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường		
Mẫu số 05	Phiếu đánh giá, thẩm định tại phiên họp chính thức của hội đồng thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường		
Mẫu số 06	Biên bản phiên họp của hội đồng thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường		
Mẫu số 07	Báo cáo việc đáp ứng các quy định về năng lực, thiết bị quan trắc, bảo đảm chất lượng số liệu quan trắc		
Mẫu số 08	Vị trí, thời gian, tần suất, thông số quan trắc môi trường đối với các hoạt động dầu khí ngoài khơi		
Mẫu số 09	Văn bản thông báo miễn quan trắc định kỳ của dự án, cơ sở		
Mẫu số 10	Văn bản thông báo kết quả quan trắc của dự án, cơ sở vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường		

- Nhóm các biểu mẫu về thông tin, dữ liệu môi trường

Mẫu số 1	Thông tin, dữ liệu cơ bản của cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia và cấp tỉnh		
Mẫu số 2	Danh mục dùng chung của cơ sở dữ liệu môi trường các cấp		

Mẫu số 03	Dữ liệu chủ và dữ liệu chia sẻ mặc định khác của cơ sở dữ liệu môi trường các cấp		
-----------	---	---	--

- Nhóm các biểu mẫu về quan trắc môi trường

SỐ BIỂU MẪU	SỐ BIỂU MẪU	DÙNG CHO DOANH NGHIỆP	VĂN BẢN BỊ THAY THẾ (NẾU CÓ) - VỚI CÁC BIỂU MẪU DÙNG CHO DOANH NGHIỆP
Mẫu số 01	Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của Ủy ban nhân dân cấp huyện		
Mẫu số 02	Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của Ban quản lý khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu công		
Mẫu số 03	Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		
Mẫu số 04	Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường của bộ, cơ quan ngang bộ		
Mẫu số 05	Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ Mẫu số 05.A: áp dụng đối với cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường Mẫu số 05.B: áp dụng đối với cơ sở thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường		
Mẫu số 06	Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung hoặc cụm công nghiệp		
Mẫu số 07	Cấu trúc, nội dung báo cáo tổng quan về hiện trạng môi trường quốc gia và địa phương		
Mẫu số 08	Cấu trúc, nội dung báo cáo chuyên đề về hiện trạng môi trường quốc gia và địa phương		

- Nhóm các biểu mẫu về chi trả dịch vụ hệ sinh thái thiên nhiên

Mẫu số 1	Hợp đồng chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên theo hình thức trực tiếp		
Mẫu số 2	Hợp đồng chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên theo hình thức ủy thác		
Mẫu số 3	Kế hoạch nộp tiền chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên theo hình thức ủy thác		
Mẫu số 4	Bản kê nộp tiền chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên theo hình thức ủy thác		
Mẫu số 5	Tổng hợp kế hoạch nộp tiền chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên theo hình thức ủy thác		
Mẫu số 6	Kế hoạch thu, chi tiền chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên theo hình thức ủy thác		
Mẫu số 7	Dự toán chi quản lý tiền chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên của quỹ bảo vệ môi trường nhận ủy thác		
Mẫu số 8	Thông báo tiền chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên theo hình thức ủy thác		

- Nhóm các biểu mẫu về quan trắc môi trường

SỐ BIỂU MẪU	SỐ BIỂU MẪU	DÙNG CHO DOANH NGHIỆP	VĂN BẢN BỊ THAY THẾ (NẾU CÓ) - VỚI CÁC BIỂU MẪU DÙNG CHO DOANH NGHIỆP
Mẫu số 01	Nội dung chính tiêu chí Nhãn sinh thái Việt Nam		
Mẫu số 02	Báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ đăng ký chứng nhận sản phẩm, dịch vụ đáp ứng tiêu chí Nhãn sinh thái Việt Nam		
Mẫu số 03	Quyết định thành lập hội đồng đánh giá sản phẩm, dịch vụ đáp ứng tiêu chí Nhãn sinh thái Việt Nam		
Mẫu số 04	Bản nhận xét của ủy viên hội đồng đánh giá sản phẩm, dịch vụ đáp ứng tiêu chí Nhãn sinh thái Việt Nam		

Mẫu số 05	Biên bản họp hội đồng đánh giá sản phẩm, dịch vụ đáp ứng tiêu chí Nhân sinh thái Việt Nam		
-----------	---	--	--

- Nhóm các biểu mẫu về thực hiện trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì và xử lý sản phẩm, bao bì của nhà sản xuất, nhập khẩu

SỐ BIỂU MẪU	SỐ BIỂU MẪU	DÙNG CHO DOANH NGHIỆP	VĂN BẢN BỊ THAY THẾ (NẾU CÓ) - VỚI CÁC BIỂU MẪU DÙNG CHO DOANH NGHIỆP
Mẫu số 01	Đăng ký kế hoạch tái chế sản phẩm, bao bì		
Mẫu số 02	Báo cáo kết quả tái chế sản phẩm, bao bì		
Mẫu số 03	Bản kê khai số tiền đóng góp hỗ trợ tái chế		
Mẫu số 04	Bản kê khai số tiền đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải		
Mẫu số 05	Hồ sơ đề nghị hỗ trợ tài chính cho hoạt động tái chế		
Mẫu số 06	Hồ sơ đề nghị hỗ trợ tài chính cho hoạt động xử lý chất thải		
Mẫu số 07	Kê khai danh mục sản phẩm, hàng hóa sản xuất đưa ra thị trường năm N-1		
Mẫu số 08	Kê khai danh mục sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu trong năm N-1		
Mẫu số 09	Kê khai quy cách sản phẩm, bao bì phải tái chế năm N-1		
Mẫu số 10	Kê khai tổng hợp khối lượng sản phẩm, bao bì năm N-1		

5. Thay đổi một số mã chất thải nguy hại

Thông tư 02/2022/TT-BTMT thay đổi một số mã chất thải nguy hại. Cụ thể:

MÃ CŨ (BỊ THAY THẾ)	MÃ MỚI (THAY THẾ)
01 04 07, 02 05 01, 03 01 08, 03 02 08, 03 03 08, 03 04 08, 03 05 08, 03 06 08, 03 07 08, 04 02 04, 10 02 03, 12 06 06, 12 06 07, 12 06 08, 12 07 05	12 06 05 (<i>Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp Sludges containing hazardous substances from treatment of industrial waste water</i>)

(quy định tại Danh mục mã chất thải nguy hại ban hành kèm theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT)	(quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục III Thông tư 02/2022/TT-BTMT)
Cơ sở đã đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại có các mã này được tiếp tục sử dụng và được chuyển giao cho cơ sở xử lý chất thải nguy hại được cấp phép xử lý đối với mã 12 06 05 cho đến khi được cấp giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường	Từ ngày 10/01/2022, chủ nguồn thải chất thải nguy hại, cơ sở xử lý chất thải nguy hại sử dụng mã này để thay thế cho các mã đã nêu trên.
Cơ sở đã được cấp giấy phép xử lý chất thải nguy hại có các mã này trước ngày 10/01/2022 được tiếp tục thu gom, xử lý các mã chất thải nguy hại này và mã chất thải nguy hại số 12 06 05 cho đến khi giấy phép môi trường thành phần hết hiệu lực.	

Căn cứ pháp lý: Điều 83.

Trên đây, LuậtVietnam đã chỉ ra những nội dung đáng chú ý tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT hướng dẫn Luật Tài nguyên và Môi trường liên quan đến hoạt động của các doanh nghiệp.

Văn bản này còn rất nhiều nội dung khác, nhưng hầu hết liên quan đến trách nhiệm quản lý của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong hoạt động bảo vệ môi trường.

VUI LÒNG XEM TOÀN VĂN CỦA VĂN BẢN TẠI ĐÂY



Luatvietnam.vn



1900 6192



Luật Việt Nam